

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày 16/4/2019

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG – TỈNH BẮC GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừ.

- Các hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Đức Sơn.

Ông Dương Thanh Bình

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/3/2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Anh Đỗ Văn K, sinh năm 1983; (vắng mặt)

Trú tại xóm 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ **Bị đơn:** Chị Phạm Thị N, sinh năm 1984; (vắng mặt)

Trú tại thôn Đ, xã AH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đỗ Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Phạm Thị N năm 2006, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã AH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận tại xóm 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình được một thời gian thì cô N bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn. Vợ chồng sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ năm 2007 đến nay, không quan tâm, liên lạc gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Đỗ Văn Hải sinh ngày 23/8/2006. Cháu ở với mẹ từ khi sinh ra đến nay và khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn anh để cháu tiếp tục ở với mẹ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc và ở xa, anh xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

* Chị Phạm Thị N là bị đơn trong vụ án trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận lời khai của anh K về điều kiện, thời gian kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại xóm 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình được một thời gian ngắn thì chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2007 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, không quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh K xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Văn Hải sinh ngày 23/8/2006, cháu khỏe mạnh và ở cùng chị từ khi sinh ra đến nay. Nay ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu anh K góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt anh K, chị N.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đỗ Văn K và chị Phạm Thị N kết hôn với nhau năm 2006 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã AH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp theo các Điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, chồng sống ly thân từ năm 2007 đến nay, không quan tâm liên lạc gì với nhau.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh K và chị N không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay không quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nay anh K xin ly hôn, chị N đồng ý. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh K là chính đáng, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[3]. *Về nuôi con chung:* Các đương sự đều xác nhận vợ chồng có 1 con chung là Đỗ Văn Hải sinh ngày 23/8/2006, hiện đang ở cùng chị N. Mặc dù anh K không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung nhưng chị N đề nghị được tiếp tục nuôi con chung. Do đó HĐXX giao cho chị N trực tiếp nuôi cháu Hải. Tiền cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4]. *Về án phí*: Anh Đỗ Văn K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Văn K ly hôn chị Phạm Thị N.

[2]. *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi con chung là Đỗ Văn Hải sinh ngày 23/8/2006, tiền cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét.

Anh Đỗ Văn K được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn. Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3]. Về án phí: Anh Đỗ Văn K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0007079 ngày 26/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Anh Đỗ Văn K đã nộp đủ tiền án phí.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Báo cho các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã AH;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ngừ